UNIT 6:

OUR TET HOLIDAY

A CLOSER LOOK 1

- a wish	(n): lời ước, lời chúc
- fireworks	(n) : pháo hoa
- firework display	(n) :triển lãm pháo hoa
- fun	(n) : sự vui đùa, vui vẻ
- relative	(n): bà con, họ hàng
- calendar	(n): lịch
- special	(adj): đặc biệt
- sell-sold-sold	(v): bán
- shine	(v) : tỏa sáng, tươi, bóng
- smile	(v): mỉm cười (n) : nụ cười
- laugh	(v): cười to,cười thành tiếng

LIVEWORKSHEETS